TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HS-ST
Ngày: 21/12/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hiếu Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Hảo;

- Bà Nguyễn Phan Thuỳ Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Võ Thị Kim N, sinh năm 1991, nơi cư trú: số 519, tổ 14, khóm V2, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn S, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; có chồng là Lê Hồng T, con có 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại:

- Ông Trần Văn B, sinh năm 1965, nơi cư trú: tổ 14, khóm V2, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bà Võ Thị C, sinh năm 1960, nơi cư trú: tổ 14, khóm V2, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Hồng T, sinh năm 1989, nơi cư trú: tổ 14, khóm V2, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Bé V, sinh năm 1972, nơi cư trú: khóm C, phường Châu Phú B, thành phố K, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1953, nơi cư trú: khóm 5, phường Q, thành phố K, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1972, nơi cư trú: tổ 5, khóm H, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị Kim N là con nuôi của ông B, bà C, từ nhỏ sống chung nhà tại tổ 14, khóm V2, phường V, thành phố K cho đến khi kết hôn, N về sống với gia đình chồng. Trong thời gian chung sống cùng cha, mẹ nuôi N biết nơi ông B có cất giữ vàng. Khoảng 12 giờ ngày 07/04/2022, B nhờ N trông giữ nhà. Trong thời gian này N nảy sinh ý định lấy trộm vàng của B nên lấy chìa khóa mở tủ, lục túi áo khoác của B lấy 01 nhẫn vàng 24kara, trọng lượng 10 chỉ; 01 dây chuyền vàng có gắn mặt dây chuyền 18kara, trọng lượng 10 chỉ 05 phân, mang về nhà cất giấu. Sau đó, mang nhẫn và dây chuyền vàng bán cho tiệm vàng "Trương Hưng", được 87.000.000 đồng; mặt dây chuyền vàng bán cho tiệm vàng "Đức Minh", được 2.300.000 đồng, số tiền bán vàng có được mang đóng tiền hụi, trả các khoản tiền vay, tiền mua góp điện thoại, tiền viện phí, chuộc vàng và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, B phát hiện mất trộm vàng nên trình báo Công an. Công an làm việc, N thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm, được Lê Hồng T (chồng của N) nộp số tiền 90.000.000 đồng bồi thường cho B.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam 90.000.000 đồng (đã giao trả cho ông B); 07 biên lai thu tiền trả góp cho HomeCredit, FECredit; 02 biên lai trả góp tiền mua điện thoại cho cửa hàng Thế giới di động; 01 phiếu thu tiền viện phí của Bệnh viện đa khoa Nhật T; 01 bảng kê chi phí điều trị nội trú của Bệnh viện đa khoa Bưu điện (lưu hồ sơ vụ án).

Căn cứ các Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 441/KL-ĐG ngày 19/7/2022 của Hội đồng định giá, ghi nhận: 01 nhẫn vàng 24kara, kiểu mặt vuông, trọng lượng 10 chỉ, trị giá 53.430.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 18kara, kiểu chữ cong, trọng lượng 09 chỉ 03 phân, trị giá 36.372.300 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng 18kara, trọng lượng 01 chỉ 02 phân, trị giá 4.693.200 đồng. Tổng trị giá 94.495.500 đồng.

Ngày 21/7/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Ra Cnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với N.

Tại Cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 18/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Võ Thị Kim N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Chủ tọa công bố lời khai của bị hại Trần Văn B, Võ Thị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Hồng T, Nguyễn Thị Bé V, Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị Mỹ X, bản kết luận định giá tài sản số 441/KL-ĐG ngày 19/7/2022 của Hội đồng định giá.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cho nên, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Võ Thị Kim N từ 01 (một) năm đến dưới 02 (hai) năm tù.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại Trần Văn B và Võ Thị C không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 90.000.000 đồng bồi thường cho B đã nhận nên không đề cập đến để xử lý.

- Đối với 07 biên lai thu tiền trả góp cho HomeCredit, FECredit; 02 biên lai trả góp tiền mua điện thoại cho cửa hàng Thế giới di động; 01 phiếu thu tiền viện phí của Bệnh viện đa khoa Nhật T; 01 bảng kê chi phí điều trị nội trú của Bệnh viện đa khoa Bưu điện không có giá trị sử dụng đề nghị lưu hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Bé V, Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị Mỹ X vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai rõ ràng, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, lời khai nhận tội của bị cáo Võ Thị Kim N khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 07/04/2022, gia đình B đi công việc, nhờ bị cáo trông giữ nhà. Thấy không có người nên nảy sinh ý định lấy trộm vàng của B. Bị cáo lén lút lấy chìa khóa mở tủ, lục túi áo khoác của B lấy 01 nhẫn vàng 24kara; 01 dây chuyền vàng có gắn mặt dây chuyền 18kara, mang về nhà cất giấu. Sau đó, mang nhẫn và dây chuyền vàng bán cho tiệm vàng "Trương Hưng", được 87.000.000 đồng; mặt dây chuyền vàng bán cho tiệm vàng "Đức Minh", được 2.300.000 đồng, sau khi bán vàng có tiền bị cáo mang tiền đóng hụi, trả các khoản tiền vay, tiền mua góp điện thoại, tiền viện phí, chuộc sợi dây chuyền đã cầm trước đó và tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Công an mời N làm việc bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra và được công khai tại phiên toà. Đó là tiền Việt Nam 90.000.000 đồng (đã trao trả cho bị hại Trần Văn B nhận); 07 biên lai thu tiền trả góp cho HomeCredit, FECredit từ ngày 19/02/2022 đến ngày 30/5/2022; 02 biên lai trả góp tiền mua điện thoại trong tháng 4 và tháng 5/2022 cho cửa hàng Thế giới di động; 01 phiếu thu tiền viện phí của Bệnh viện đa khoa Nhật T; 01 bảng kê chi phí điều trị nội trú của Bệnh viện đa khoa Bưu điện.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo Võ Thị Kim N đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Trần Văn B và Võ Thị C với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 94.495.500 đồng.

Bị cáo là người trưởng thành có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của ông B, bà C có giá trị 94.495.500 đồng là vi phạm pháp luật và xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đáp ứng mặt khách quan và đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự, trị tại an địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Cho nên, HĐXX có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 90.000.000 đồng bồi thường cho B đã nhận nên không đề cập xử lý.

- Đối với 07 biên lai thu tiền trả góp cho HomeCredit, FECredit; 02 biên lai trả góp tiền mua điện thoại cho cửa hàng Thế giới di động; 01 phiếu thu tiền viện phí của Bệnh viện đa khoa Nhật T; 01 bảng kê chi phí điều trị nội trú của Bệnh viện đa khoa Bưu điện không có giá trị sử dụng nên lưu hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự, bị hại Trần Văn B và Võ Thị C đã được bồi thường tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí hình sự và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Kim N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt: Võ Thị Kim N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và C phí Tòa án;

Buộc bị cáo Võ Thị Kim N phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Xử lý vật chứng

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Lưu hồ sơ vụ án: 07 biên lai thu tiền trả góp cho HomeCredit, FECredit; 02 biên lai trả góp tiền mua điện thoại cho cửa hàng Thế giới di động; 01 phiếu thu tiền viện phí của Bệnh viện đa khoa Nhật T; 01 bảng kê chi phí điều trị nội trú của Bệnh viện đa khoa Bưu điện.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K với Chi cục thi hành án dân sự thành phố K).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Võ Thị Kim N và bị hại có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);s
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Hiếu Trung